

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2021.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.
2. Ông Nguyễn Văn Dễ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 74/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Ấp Gò C M, xã Khánh H, huyện V H, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn A, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xB, ấp Thạnh L, xã Đức T, huyện T, tỉnh L.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Do quen biết, bà và ông Lê Tấn A sống chung năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày xx/x/20xx.

Sau khi sống chung, vợ chồng sống chung gia đình bên chồng khoảng hơn nửa năm thì bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Ông A vẫn sống chung cha mẹ tại xã Đ, huyện T, tỉnh L.

Vợ chồng sống chung có phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Trong quá trình chung sống ông An không tôn trọng gia đình bên vợ thường xuyên có lời xúc phạm. Giữa bà và gia đình chồng không được thuận hòa với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 1 năm.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn A.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Minh K, sinh ngày xx/x/201x. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung là Lê Minh K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

2/ Bị đơn ông Lê Tấn A trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian chung sống, quá trình chung sống, con chung.

Vợ chồng sống chung có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, chủ yếu bà Trinh có mâu thuẫn với gia đình chồng. Vợ chồng sống ly thân khoảng một năm nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Minh K, sinh ngày xx/x/201x. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn, ông yêu cầu nuôi con chung là Lê Minh K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với ông Lê Tấn A và ông A hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày x/x/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà T và ông A xác định vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng cách đây một năm cho đến nay. Ông A xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng không có phương pháp để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày xx/x/20xx, hiện đang sống chung với bà T. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu K đã trên 36 tháng tuổi nên không thuộc trường hợp ưu tiên giao cho mẹ nuôi nhưng cháu cũng chưa đủ 07 tuổi để xem xét nguyện vọng của cháu muốn sống với ai. Tuy nhiên từ khi vợ chồng ly thân, cháu K sống với bà T nên để ổn định cuộc sống và tình cảm của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[6] Án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Tấn A.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Tấn A.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Minh K, sinh ngày xx/x/201x cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Tấn A không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007072 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa